CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

Hà Nam, tháng 08 năm 2021

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP
Ký ngày: 19/8/2021 15:38:00

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Khang Minh Group trình bày báo cáo này cùng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700510750 thay đổi lần thứ thứ 6 ngày 16 tháng 01 năm 2020 là: 148.837.090.000 VND *(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).*

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã GKM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đặng Việt Lê	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông	Lê Hoài An	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông	Phạm Sỹ Giang	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông	Trần Hưng Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông	Nguyễn Việt Hà	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông	Nguyễn Văn Tiếm	Thành viên
Ông	Trần Hải Long	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà	Cao Thị Thương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà	Nguyễn Minh Đức	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà	Nguyễn Thị Thu	Trưởng ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà	Đặng Thị Bắc	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Bùi Thế Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/6/2021)
Ông	Lê Hoài An	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/6/2021)
Ông	Hoàng Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 08/6/2021)
Ông	Phạm Sỹ Giang	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/6/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP
KHANGMINH
MSDN: 0700510750

Đặng Việt Lê
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2021

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 111/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi : **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khang Minh Group

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khang Minh Group được lập ngày 14/8/2021 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tải chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số: 14/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	**100**		**131.810.232.112**	**153.617.232.105**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**9.376.360.328**	**8.905.901.630**
1. Tiền	111		9.376.360.328	8.905.901.630
II. Các khoản phải thu	**130**		**100.894.132.801**	**124.819.692.528**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	92.723.396.424	122.684.213.424
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.162.800.534	1.682.183.776
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.987.910.226	2.433.269.711
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.979.974.383)	(1.979.974.383)
III. Hàng tồn kho	**140**	**5.6**	**13.227.827.309**	**3.969.921.018**
1. Hàng tồn kho	141		13.227.827.309	3.969.921.018
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**8.311.911.674**	**15.921.716.929**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	3.190.910	7.462.873
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	8.308.720.764	15.914.254.056
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	**200**		**137.445.307.461**	**125.401.114.032**
I. Tài sản cố định	**220**		**16.173.422.786**	**19.387.364.101**
1. Tài sản cố định hữu hình	***221***	***5.9***	**16.173.422.786**	**19.387.364.101**
Nguyên giá	*222*		*68.379.931.283*	*68.243.331.797*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(52.206.508.497)*	*(48.855.967.696)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	***240***		**579.863.861**	**125.830.300**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	579.863.861	125.830.300
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	***250***	**5.10**	**109.044.183.172**	**101.394.183.172**
1. Đầu tư vào công ty con	251		109.044.183.172	101.394.183.172
IV. Tài sản dài hạn khác	***260***		**11.647.837.642**	**4.493.736.459**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	11.647.837.642	4.493.736.459
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**269.255.539.573**	**279.018.346.137**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**93.746.406.571**	**105.995.091.180**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**93.746.406.571**	**105.492.447.419**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	36.626.946.497	45.042.674.696
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.339.575.545	1.033.515.882
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	6.125.219.820	5.637.724.979
4. Phải trả người lao động	314		970.972.394	1.113.740.501
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.128.909.931	2.144.286.055
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	45.554.782.384	50.520.505.306
II. Nợ dài hạn	**330**		-	**502.643.761**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	-	502.643.761
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**175.509.133.002**	**173.023.254.957**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.15**	**175.509.133.002**	**173.023.254.957**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.837.090.000	148.837.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.706.059.091	8.706.059.091
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		17.965.983.911	15.480.105.866
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*15.480.105.866*	*9.552.462.492*
LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*2.485.878.045*	*5.927.643.374*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**269.255.539.573**	**279.018.346.137**

Hà Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trần Thị Miền	Trần Thị Miền	Đặng Việt Lê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Chỉ tiêu	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**54.978.985.093**	**48.681.932.069**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	335.244.000	17.771.250
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	**6.1**	**54.643.741.093**	**48.664.160.819**
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	45.796.379.265	40.768.135.084
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**8.847.361.828**	**7.896.025.735**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	38.924	131.528
7.	Chi phí tài chính *- Trong đó: Chi phí lãi vay*	22	6.4	2.683.203.311 *2.274.457.862*	2.314.309.947 *2.139.129.333*
8.	Chi phí bán hàng	25	6.5	1.319.760.828	2.310.293.169
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.430.148.354	1.868.018.957
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**3.414.288.259**	**1.403.535.190**
11.	Thu nhập khác	31	6.7	205.502.750	152.181.818
12.	Chi phí khác	32	6.8	409.954.762	425.143.392
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(204.452.012)**	**(272.961.574)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40+45**	**50**		**3.209.836.247**	**1.130.573.616**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	723.958.202	288.678.734
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**2.485.878.045**	**841.894.882**

Hà Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trần Thị Miền	Trần Thị Miền	Đặng Việt Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	**01**		**3.209.836.247**	**1.130.573.616**
2 Điều chỉnh cho các khoản			**5.624.959.739**	**5.546.604.762**
- Khấu hao TSCĐ	02		3.350.540.801	3.615.683.214
- Các khoản dự phòng	03		-	(208.076.257)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(38.924)	(131.528)
- Chi phí lãi vay	06		2.274.457.862	2.139.129.333
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn	**08**		**8.834.795.986**	**6.677.178.378**
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		31.077.059.458	21.718.312.169
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(9.257.906.291)	(6.735.575.556)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		(7.504.276.128)	(23.662.197.449)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.149.829.220)	708.064.459
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.274.457.862)	(2.139.129.333)
- Thuế thu nhập đã nộp	15		-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**13.725.385.943**	**(3.433.347.332)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(136.599.486)	(2.976.920.213)
2 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.650.000.000)	-
3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.924	131.528
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(7.786.560.562)**	**(2.976.788.685)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35.723.271.387	44.977.001.802
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.191.638.070)	(45.312.574.301)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(5.468.366.683)**	**(335.572.499)**
Lưu chuyển thuần trong kỳ	**50**		**470.458.698**	**(6.745.708.516)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**8.905.901.630**	**8.686.375.054**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	**61**		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5.1**	**9.376.360.328**	**1.940.666.538**

Hà Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trần Thị Miền	Trần Thị Miền	Đặng Việt Lê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700510750 thay đổi lần thứ thứ 6 ngày 16 tháng 01 năm 2020 là: 148.837.090.000 VND *(Bằng chữ: một trăm bốn mươi tám tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).*

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã GKM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021 là: 31 người (tại ngày 01/01/2021 là 78 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty trong năm là sản xuất gạch không nung các loại; gạch ốp lát cao cấp.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	Thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	KCN Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	51%	51%	51%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí khác.

Chi phí trả trước liên quan đến kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí trả trước dài hạn cho nhiều kỳ kế toán được tính và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí. Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ theo thời gian thuê đất; chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm gạch không nung và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	9.338.510.941	8.740.469.694
Tiền gửi ngân hàng	37.849.387	165.431.936
Tổng	**9.376.360.328**	**8.905.901.630**

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thương mại vận tải Thanh Khải	1.099.527.000	-
Công ty TNHH Tư vấn XD và TM Ngọc Khánh	932.335.574	761.994.738
Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Delta	-	1.073.745.053
Công ty TNHH XD và PT thương mại Nguyên Minh	3.621.737.632	947.429.076
Công ty Cổ phần ĐT và PT PRESSCENTRAL Việt Nam	2.100.917.500	-
Công ty Cổ phần CIB Việt Nam	2.385.388.177	-
Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	-	6.418.247.119
Công ty TNHH Vật tư và Xây dựng Hoàng Thành	12.686.245.945	19.006.245.945
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Duy Minh	893.750.000	617.404.500
Công ty Cổ phần ĐT VLXD Khang Minh	9.886.385.896	19.397.599.900
Công ty TNHH TM và VLXD Phát Đạt	13.459.667.444	18.197.104.642
Công ty TNHH Thương mại Hải Vương	17.124.888.359	19.545.031.173
Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Sinh Hùng 68	4.887.132.000	3.047.132.000
Đối tượng khác	23.645.420.897	33.672.279.278
Tổng	**92.723.396.424**	**122.684.213.424**

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần vận tải Vijasun Hà Nam	610.547.675	610.547.675
Thuê văn phòng SH19 - Đặng Ngọc Hưởng	1.049.784.710	-
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	96.371.559	28.171.559
Công ty Cổ phần thương mại và vận tải Khang Minh	500.000.100	-
Thu đối tượng khác	906.096.490	1.043.464.542
Tổng	**3.162.800.534**	**1.682.183.776**

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	189.040.349	-
Bà Trần Thị Miền	48.318.182	-	48.318.182	-
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	4.864.100.864	-	-	-
Phải thu lợi nhuận của Conslab Thạch Anh	2.075.491.180	-	2.075.491.180	-
Đối tượng khác	-	-	120.420.000	-
Tổng	**6.987.910.226**	**-**	**2.433.269.711**	**-**

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng CTC	71.412.000	71.412.000	71.412.000	71.412.000
Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Cảnh Hưng Thịnh	334.624.640	167.312.320	334.624.640	167.312.320
Công ty Cổ phần thi công cơ giới và xây dựng Vinacomex	561.709.375	280.854.688	561.709.375	280.854.688
Công ty Cổ phần TSQ Techco	1.734.293.272	867.146.636	1.734.293.272	867.146.636
Công ty Cổ phần Constrexim Bắc Hà	748.189.344	272.761.349	748.189.344	272.761.349
Khách hàng khác	615.692.488	320.487.390	615.692.488	320.487.390
Tổng	**4.065.921.119**	**1.979.974.383**	**4.065.921.119**	**1.979.974.383**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	708.345.042	-	1.235.172.464	-
Thành phẩm	5.481.346.648	-	1.530.548.554	-
Hàng hóa	7.038.135.619	-	1.204.200.000	-
Tổng	**13.227.827.309**	**-**	**3.969.921.018**	**-**

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn	***3.190.910***	***7.462.873***
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	3.190.910	7.462.873
b. Dài hạn	***11.647.837.642***	***4.493.736.459***
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	1.123.028.484	1.242.188.736
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	600.462.700	708.217.749
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (*)	9.924.346.458	2.543.329.974
Tổng	**11.651.028.552**	**4.501.199.332**

(*) Trong kỳ, Công ty kết chuyển chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng Nhà máy gạch Khang Minh (số chênh lệch giữa số đã nộp cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cao hơn số tiền theo Quyết định bù trừ của Cục thuế tỉnh Hà Nam) đang được hạch toán là khoản Thuế phải thu của Nhà Nước sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian thuê đất còn lại.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công trình trạm nghiền đá	16.678.300	16.678.300
Xây dựng cơ bản dở dang	563.185.561	109.152.000
- Văn phòng làm việc	-	-
- Nhà kho	*563.185.561*	*109.152.000*
Tổng	**579.863.861**	**125.830.300**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2021	**16.829.374.924**	**40.916.116.836**	**8.059.122.719**	**1.337.136.364**	**1.101.580.954**	**68.243.331.797**
Tăng trong kỳ	**-**	**-**	**810.000.000**	**-**	**171.599.486**	**981.599.486**
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	136.599.486	136.599.486
- Phân loại lại	-	-	810.000.000	-	35.000.000	845.000.000
Giảm trong kỳ	**35.000.000**	**-**	**-**	**810.000.000**	**-**	**845.000.000**
- Phân loại lại	35.000.000	-	-	810.000.000	-	845.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	**16.794.374.924**	**40.916.116.836**	**8.869.122.719**	**527.136.364**	**1.273.180.440**	**68.379.931.283**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2021	**13.358.058.405**	**28.656.051.129**	**5.478.323.833**	**443.939.402**	**919.594.927**	**48.855.967.696**
Tăng trong kỳ	**814.489.390**	**1.861.679.724**	**926.903.476**	**36.053.244**	**53.136.819**	**3.692.262.653**
- Khấu hao trong kỳ	814.489.390	1.861.679.724	598.259.578	36.053.244	40.058.865	3.350.540.801
- Phân loại lại	-	-	328.643.898	-	13.077.954	341.721.852
Giảm trong kỳ	**13.077.954**	**8.018.898**	**-**	**320.625.000**	**-**	**341.721.852**
- Phân loại lại	13.077.954	8.018.898	-	320.625.000	-	341.721.852
Số dư tại ngày 30/6/2021	**14.159.469.841**	**30.509.711.955**	**6.405.227.309**	**159.367.646**	**972.731.746**	**52.206.508.497**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	**3.471.316.519**	**12.260.065.707**	**2.580.798.886**	**893.196.962**	**181.986.027**	**19.387.364.101**
Tại ngày 30/6/2021	**2.634.905.083**	**10.406.404.881**	**2.463.895.410**	**367.768.718**	**300.448.694**	**16.173.422.786**

Tại ngày 30/6/2021, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 14.998.261.700 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 17.716.196.254 VND).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 25.597.854.352 VND (tại ngày 01/01/2021 là 9.631.330.312 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	***109.044.183.172***	-	-	***101.394.183.172***	-	-
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh {1}	101.394.183.172	-	-	101.394.183.172	-	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh {2}	7.650.000.000	-	-	-	-	-
Tổng	**109.044.183.172**	-	-	**101.394.183.172**	-	-

{1} Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh là Công ty TNHH một thành viên do Công ty Cổ phần Khang Minh Group nắm giữ 100% vốn điều lệ.

{2} Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh là Công ty con do Công ty Cổ phần Khang Minh Group nắm giữ 51% vốn điều lệ.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty nhận đầu tư do các công ty này không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021		Phát sinh trong kỳ		30/6/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	4.892.657.518	276.928.448	534.702.829	-	4.634.883.137
Thuế TNDN	-	524.618.026	723.958.202	-	-	1.248.576.228
Thuế TNCN	-	220.449.435	21.875.006	563.986	-	241.760.455
Tiền thuê đất (*)	15.914.254.056	-	7.612.852.092	7.318.800	8.308.720.764	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	
Tổng	**15.914.254.056**	**5.637.724.979**	**8.638.613.748**	**545.585.615**	**8.308.720.764**	**6.125.219.820**

(*) Tiền thuê đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phòng mặt bằng Công ty CP Khang Minh Group đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Hoàng Thành	-	-	2.115.873.195	2.115.873.195
Công ty TNHH XD và phát triển TM Nguyên Minh	1.325.884.756	1.325.884.756	2.860.542.444	2.860.542.444
Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	2.586.435.600	2.586.435.600	2.786.435.600	2.786.435.600
Công ty TNHH Việt Thương mại và Xuất nhập khẩu	3.366.580.002	3.366.580.002	-	-
Công ty TNHH MTV Đông Phương	2.551.500.000	2.551.500.000	-	-
Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng	8.604.647.812	8.604.647.812	8.388.501.060	8.388.501.060
Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Khang Minh	-	-	1.569.193.918	1.569.193.918
Công ty Cổ phần Thương mại IDC Vạn Thành	75.963.798	75.963.798	1.475.963.798	1.475.963.798
Công ty Cổ phần Tài nguyên Đông Bắc	4.235.376.001	4.235.376.001	1.816.334.978	1.816.334.978
Công ty TNHH vận tải Trường Anh	136.539.920	136.539.920	7.299.135.640	7.299.135.640
Công ty TNHH Phương Lâm	8.888.237.294	8.888.237.294	9.848.781.787	9.848.781.787
Các đối tượng khác	4.855.781.314	4.855.781.314	6.881.912.276	6.881.912.276
Tổng	**36.626.946.497**	**36.626.946.497**	**45.042.674.696**	**45.042.674.696**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 Phải trả khác ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	854.954.278	838.257.552
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.252.682.196	1.284.755.046
Các khoản phải trả phải nộp khác	21.273.457	21.273.457
Quỹ phòng chống thiên tai	*21.273.457*	*21.273.457*
Tổng	**2.128.909.931**	**2.144.286.055**

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

		30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	**Vay ngắn hạn**	**45.554.782.384**	**45.554.782.384**	**35.723.271.387**	**40.688.994.309**	**50.520.505.306**	**50.520.505.306**
	Vay ngân hàng						
	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (1)	45.554.782.384	45.554.782.384	35.723.271.387	37.688.994.309	47.520.505.306	47.520.505.306
	Ngân hàng hợp tác	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
b.	**Vay dài hạn**	-	-	-	**502.643.761**	**502.643.761**	**502.643.761**
	Vay ngân hàng						
	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN	-	-	-	502.643.761	502.643.761	502.643.761
	Tổng	**45.554.782.384**	**45.554.782.384**	**35.723.271.387**	**41.191.638.070**	**51.023.149.067**	**51.023.149.067**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 134/2019/HĐTD ngày 24/06/2019
- Hạn mức vay ngắn hạn: 51.663.000.000 VND;
- Hạn mức vay trung dài hạn: 2.711.000.000 VND;
- Lãi suất vay không cố định, được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Nhà số 60, ngõ 199 đường Hồ Tùng Mậu, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ;

+ Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 6, tờ bản đồ 25, cụm CN mở rộng Tây Nam TP Phủ Lý, P. Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;

+ Một số máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc quyền sở hữu của đơn vị;

+ Xe ô tô bán tải Ford Ranger XLS biển số 29C-597.97;

+ Xe ô tô bán tải Ford Ranger XLS biển số 29C-791.30;

+ Xe ô tô bán tải Ford Ranger màu bạc biển số 51D-622.61.

5.15 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu *Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2020	**148.837.090.000**	**8.706.059.091**	**9.552.462.492**	**167.095.611.583**
Lãi trong năm	-	-	5.927.643.374	5.927.643.374
Số dư ngày 31/12/2020	**148.837.090.000**	**8.706.059.091**	**15.480.105.866**	**173.023.254.957**
Số dư ngày 01/01/2021	**148.837.090.000**	**8.706.059.091**	**15.480.105.866**	**173.023.254.957**
Lãi kỳ này	-	-	2.485.878.045	2.485.878.045
Số dư ngày 30/6/2021	**148.837.090.000**	**8.706.059.091**	**17.965.983.911**	**175.509.133.002**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20/5/2021 của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 1:0,1. Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức năm giữ 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ nhận được thêm 10 cổ phiếu.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2021 ngày 20/5/2021 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Nghị quyết số 08/2021/KM/NQ-HĐQT ngày 14/6/2021 của Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ triển khai việc thực hiện chào bán thêm 7.441.854 cổ phiếu ra công chúng và số vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán là 74.418.540.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ông Đặng Việt Lê	35.926.500.000	33.526.500.000
Ông Lê Hoài An	2.000.000.000	7.497.000.000
Ông Nguyễn Việt Hà	3.316.230.000	3.316.230.000
Các cổ đông khác	107.594.360.000	104.497.360.000
Tổng	**148.837.090.000**	**148.837.090.000**

c) Các giao dịch về vốn

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	148.837.090.000	148.837.090.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	148.837.090.000	148.837.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.883.709	14.883.709
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.883.709	14.883.709
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.883.709	14.883.709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	25.462.491.033	9.011.545.890
Doanh thu bán thành phẩm	29.516.494.060	39.670.386.179
Tổng	**54.978.985.093**	**48.681.932.069**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**335.244.000**	**17.771.250**
- Hàng bán bị trả lại	335.244.000	17.771.250
Doanh thu thuần	**54.643.741.093**	**48.664.160.819**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	25.146.095.487	8.203.448.848
Giá vốn bán thành phẩm	20.650.283.778	32.564.686.236
Tổng	**45.796.379.265**	**40.768.135.084**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.924	131.528
Tổng	**38.924**	**131.528**

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	2.274.457.862	2.139.129.333
Lãi chậm trả nhà cung cấp	408.745.449	175.180.614
Tổng	**2.683.203.311**	**2.314.309.947**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.699.092	-
Chi phí nhân công	574.277.859	1.567.922.621
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.532.443	333.630.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.845.858	300.678.950
Chi phí khác bằng tiền khác	154.405.576	108.060.930
Tổng	**1.319.760.828**	**2.310.293.169**

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	837.496.038	1.211.857.429
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.687.743	5.312.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	150.699.990	172.502.583
Thuế, phí, lệ phí và các khoản dự phòng	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.146.553	409.726.807
Chi phí bằng tiền khác	126.118.030	65.619.638
Tổng	**1.430.148.354**	**1.868.018.957**

6.7 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác	205.502.750	152.181.818
Tổng	**205.502.750**	**152.181.818**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.8 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Tiền phạt, chậm nộp thuế, BHXH	409.954.762	312.820.052
Chi phí khác	-	112.323.340
Tổng	**409.954.762**	**425.143.392**

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân công	3.349.111.294	7.013.256.261
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.194.792.867	21.740.582.751
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	3.416.004.010	4.514.568.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.431.818.518	1.449.985.662
Chi phí khác bằng tiền	501.943.951	745.056.327
Tổng	**25.893.670.640**	**35.463.449.136**

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.209.836.247	1.130.573.616
Các khoản điều chỉnh	409.954.762	312.820.052
Phạt hành chính, chậm nộp thuế, bảo hiểm	*409.954.762*	*312.820.052*
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.619.791.009	1.443.393.668
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**723.958.202**	**288.678.734**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 27/4/2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT	196.558.429	211.990.800
Lê Hoài An	Phó chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)	126.839.703	185.528.000
Phạm Sĩ Giang	Ủy viên HĐQT	108.153.277	121.143.600

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Nguyễn Thị Thu	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)	-	54.116.346
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 20/5/2021)	29.264.033	-
Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS	18.118.200	-

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Bùi Thế Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2021)	23.117.114	-
Hoàng Hạnh Phúc	Kế toán trưởng	1.268.230	137.848.438
Trần Thị Miền	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 24/3/2021)	121.794.638	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Cá nhân	
Ông Đặng Việt Lê	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tổ chức	
Công ty Cổ phần NhômKhang Minh	Công ty con
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	Công ty con

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan/ tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh		
Mua hàng/Trả tiền	-	1.669.500.000
Ứng trước tiền	68.200.000	-
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh		
Bán hàng/Thu tiền	87.327.000	-
Cho mượn tiền	5.364.100.864	-
Thu hồi tiền cho mượn	500.000.000	
Góp vốn	7.650.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Khoản mục/Bên liên quan	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	39.105.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	96.371.559	28.171.559
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	2.075.491.180	2.075.491.180
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	4.864.100.864	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Hà Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trần Thị Miền	Trần Thị Miền	Đặng Việt Lê